

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 1 LỚP B, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Triệu Sáng An	01	05	6.0	Sáu	
2	Triệu Văn An	02	06	6.5	Sáu rưỡi	
3	Nguyễn Công Tuấn Anh	03	04	6.0	Sáu	
4	Trần Đức Anh	04	02	7.0	Bảy	
5	Nguyễn Văn Bách	05	16	7.0	Bảy	
6	Nông Văn Bộ	06	01	6.5	Sáu rưỡi	
7	Đặng Văn Can	07	25	7.0	Bảy	
8	Phạm Ngọc Cẩn	08	03	7.5	Bảy rưỡi	
9	Doãn Đình Chí	09	22	6.5	Sáu rưỡi	
10	Triệu Nhật Cung	10	08	7.0	Bảy	
11	Hoàng Văn Cường	11	15	6.0	Sáu	
12	Nguyễn Mạnh Cường	12	70	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Văn Dân	13	09	6.5	Sáu rưỡi	
14	Nông Văn Du	14	14	6.5	Sáu rưỡi	
15	Đỗ Bình Dương	15	37	6.5	Sáu rưỡi	
16	Kiều Minh Dương	16	07	6.5	Sáu rưỡi	
17	Nguyễn Sỹ Dương	17	10	7.0	Bảy	
18	Nông Khánh Duy	18	13	7.0	Bảy	
19	Trần Mạnh Đạt	19	20	6.5	Sáu rưỡi	
20	Hoàng Văn Điền	20	12	6.0	Sáu	
21	Lý Văn Điều	21	40	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Hoàng Văn Đông	22	67	6.5	Sáu rưỡi	
23	Nguyễn Minh Đức	23	21	6.0	Sáu	
24	Hoàng Văn Đường	24	11	6.5	Sáu rưỡi	
25	Ma Bình Giang	25	17	7.0	Bảy	
26	Triệu Quang Hà	26	23	6.5	Sáu rưỡi	
27	Đỗ Văn Hà	27	53	6.5	Sáu rưỡi	
28	Nông Hải Hà	28	30	7.5	Bảy rưỡi	
29	Lê Văn Hải	29	18	6.5	Sáu rưỡi	
30	Lý Ngọc Hải	30	39	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Lý Hải	31	24	7.0	Bảy	
32	Ma Thế Hanh	32	52	6.5	Sáu rưỡi	
33	Chu Văn Hậu	33	51	7.0	Bảy	
34	Trần Văn Hiền	34	62	7.0	Bảy	
35	Phùng Văn Hòa	35	19	7.0	Bảy	
36	Lê Văn Hòe	36	58	7.0	Bảy	
37	Nguyễn Văn Hội	37	29	7.0	Bảy	
38	Nông Văn Hội	38	69	7.5	Bảy rưỡi	
39	Dương Văn Hoi	39	61	7.0	Bảy	
40	Nông Văn Huân	40	27	7.5	Bảy rưỡi	
41	Ngô Duy Hùng	41	84	6.5	Sáu rưỡi	
42	Nông Văn Hùng	42	38	7.0	Bảy	
43	Nguyễn Mạnh Hùng	43	60	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Đức Hùng	44	28	7.5	Bảy rưỡi	
45	Ngô Văn Hưng	45	68	7.0	Bảy	
46	Hoàng Doãn Hưng	46	64	7.5	Bảy rưỡi	
47	Dương Trọng Huy	47	59	7.0	Bảy	
48	Phùng Đức Huỳnh	48	75	6.0	Sáu	
49	Phùng Văn Khâm	49	56	6.5	Sáu rưỡi	
50	Triệu Văn Kính	50	76	7.0	Bảy	
51	Nông Văn Kỳ	51	57	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Phùng Thế Lộc	52	78	7.0	Bảy	
53	Tô Văn Luân	53	26	7.5	Bảy rưỡi	
54	Ma Văn Luận	54	77	6.5	Sáu rưỡi	
55	Mạc Quốc Luyện	55	36	6.5	Sáu rưỡi	
56	Nông Văn Lý	56	79	6.5	Sáu rưỡi	
57	Dương Đức Mạnh	57	80	7.0	Bảy	
58	Nông Đức Mạnh	58	74	6.5	Sáu rưỡi	
59	Hà Văn Minh	59	73	6.5	Sáu rưỡi	
60	Nguyễn Thế Nam	60	72	6.5	Sáu rưỡi	
61	Ma Doãn Ngọc	61	65	7.5	Bảy rưỡi	
62	Tô Văn Ngụy	62	71	6.5	Sáu rưỡi	
63	Lương Đức Nguyễn	63	87	7.0	Bảy	
64	Hoàng Văn Nhật	64	82	6.0	Sáu	
65	Phùng Văn Nhật	65	45	7.0	Bảy	
66	Lục Văn Phong	66	99	7.0	Bảy	
67	Lương Văn Quang	67	83	7.0	Bảy	
68	Mã Ngọc Quang	68	85	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Văn Quý	69	81	6.5	Sáu rưỡi	
70	Giáp Ngọc Quý	70	35	7.0	Bảy	
71	Nông Ngọc Quỳnh	71	31	7.0	Bảy	
72	Nguyễn Văn Sang	72	92	7.0	Bảy	
73	Bàn Văn Sáng	73	66	7.5	Bảy rưỡi	
74	Hà Văn Sáng	74	63	7.0	Bảy	
75	Đặng Thái Sơn	75	86	6.5	Sáu rưỡi	
76	Nguyễn Mạnh Tài	76	91	6.5	Sáu rưỡi	
77	Ma Văn Tâm	77	90	6.5	Sáu rưỡi	
78	Nguyễn Văn Tăng	78	95	7.0	Bảy	
79	Trần Văn Tập	79	33	7.0	Bảy	
80	Dương Ngô Thái	80	44	6.5	Sáu rưỡi	
81	Đỗ Trung Thắng	81	114	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
82	Nhữ Lưu Thắng	82	43	7.0	Bảy	
83	Dương Hữu Thanh	83	88	7.0	Bảy	
84	Trần Văn Thanh	84	94	7.5	Bảy rưỡi	
85	Ma Tuấn Thành	85	109	7.0	Bảy	
86	Ngô Ngọc Thảo	86	98	6.5	Sáu rưỡi	
87	Đông Văn Thế	87	100	7.5	Bảy rưỡi	
88	Nguyễn Anh Thế (A)-1990	88	34	7.0	Bảy	
89	Nguyễn Anh Thế (B)-1996	89	108	7.5	Bảy rưỡi	
90	Lý Minh Thiện	90	97	7.0	Bảy	
91	Lăng Khánh Thiện	91	89	7.0	Bảy	
92	Trương Văn Thìn	92	106	7.5	Bảy rưỡi	
93	Hà Dương Thụ	93	96	7.0	Bảy	
94	Lành Văn Thụ	94	115	7.0	Bảy	
95	Nguyễn Văn Thương	95	48	7.5	Bảy rưỡi	
96	Nguyễn Văn Thuyên	96	41	6.5	Sáu rưỡi	
97	Nguyễn Văn Tiến	97	107	8.0	Tám	
98	Nguyễn Văn Tô	98	93	7.0	Bảy	
99	Trần Văn Toàn	99	119	7.0	Bảy	
100	Nguyễn Đắc Toàn	100	50	7.0	Bảy	
101	Vy Văn Toàn	101	102	7.5	Bảy rưỡi	
102	Lý Văn Tới	102	113	7.0	Bảy	
103	Hạ Văn Trần	103	112	7.5	Bảy rưỡi	
104	Nguyễn Văn Trí	104	125	7.0	Bảy	
105	Hoàng Văn Trình	105	49	7.0	Bảy	
106	Phùng Văn Trình	106	118	7.5	Bảy rưỡi	
107	Lưu Văn Trung	107	116	7.0	Bảy	
108	Hoàng Văn Trường	108	120	7.0	Bảy	
109	Lưu Xuân Trường	109	124	7.5	Bảy rưỡi	
110	Mã Văn Trường	110	47	6.5	Sáu rưỡi	
111	Triệu Văn Trường	111	42	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
112	Phan Anh Tú	112	122	7.5	Bảy rưỡi	
113	Đàng Mạnh Tuấn	113	110	7.0	Bảy	
114	Lê Quang Tuấn	114	46	6.5	Sáu rưỡi	
115	Mông Thanh Tùng	115	111	7.0	Bảy	
116	Nguyễn Hữu Tùng	116	55	7.5	Bảy rưỡi	
117	Nông Văn Tước	117	117	7.5	Bảy rưỡi	
118	Lăng Văn Tuyền	118	104	7.0	Bảy	
119	Ban Văn Tuyền	119	101	7.0	Bảy	
120	Nguyễn Văn Tuyền	120	54	7.5	Bảy rưỡi	
121	Hoàng Văn Vậ	121	105	7.0	Bảy	
122	Trần Tuấn Vị	122	32	7.0	Bảy	
123	Triệu Hoàng Viên	123	103	7.0	Bảy	
124	Đặng Tiến Việt	124	121	7.5	Bảy rưỡi	
125	Sầm Tuấn Vũ	125	123	7.0	Bảy	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA NN&PL

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Nguyễn Thị Hồng Mây



Phạm Minh Chuyên